

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: *04* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ có một số hàng hóa tồn kho lâu ngày là sắt thép, tiêu nguyên liệu và tiêu bán thành phẩm với giá trị khoảng 91,7 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và các hướng dẫn về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hay không.

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty Công ty mẹ chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mặt hàng hạt nhựa với giá trị ước tính khoảng 9,4 tỷ đồng. Nếu Công ty hạch toán theo đúng các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, thì lỗ trước thuế từ hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015 sẽ tăng thêm 9,4 tỷ đồng và đồng thời khoản mục “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm đi một số tiền tương ứng.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		691.664.658.702	519.490.033.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	140.928.387.769	65.937.429.214
1. Tiền	111		140.928.387.769	41.566.327.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	24.371.101.465
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000	130.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.570.117.276	134.635.723.260
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	161.982.431.066	97.922.950.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	16.285.754.131	25.492.860.635
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	22.013.656.445	14.945.752.372
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.036.941.742)	(3.725.839.974)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		325.217.376	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	321.358.298.353	261.969.901.171
1. Hàng tồn kho	141		322.475.388.768	262.325.901.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.117.090.415)	(356.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.677.855.304	56.816.979.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	768.697.446	1.137.008.818
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.645.899.681	50.297.652.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	5.263.258.177	5.382.318.232
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.406.991.485	123.944.230.867
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		125.919.600	102.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	125.919.600	102.000.000
II. Tài sản cố định	220		104.257.007.246	109.554.703.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	94.057.425.901	98.966.858.887
- Nguyên giá	222		145.898.547.239	141.222.418.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.841.121.338)	(42.255.559.413)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	10.199.581.345	10.587.844.376
- Nguyên giá	228		11.638.841.229	11.701.641.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.439.259.884)	(1.113.796.853)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.784.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		265.784.000	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	10.524.922.558	10.524.922.558
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.524.922.558	10.524.922.558
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.233.358.081	3.762.605.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.202.448.457	3.724.826.617
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.909.624	37.778.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		810.071.650.187	643.434.263.983

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

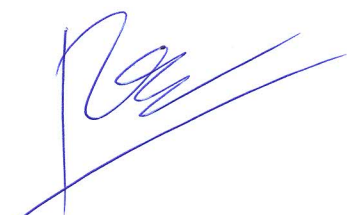
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		624.191.165.170	449.542.844.805
I. Nợ ngắn hạn	310		623.791.136.895	449.542.844.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	43.638.770.945	87.340.464.766
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	14.551.886.276	11.492.565.671
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	671.135.234	438.797.184
4. Phải trả người lao động	314		740.292.385	650.320.721
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.787.046.912	767.100.029
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.695.354.757	8.294.308.887
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	548.601.114.906	340.380.352.067
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		105.535.480	178.935.480
II. Nợ dài hạn	330		400.028.275	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	400.028.275	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	185.880.485.017	193.891.419.178
I. Vốn chủ sở hữu	410		185.880.485.017	193.891.419.178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.993.450.000	151.993.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.634.688.169	55.634.688.169
3. Cổ phiếu quỹ	415		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.526.927.604	8.526.927.604
5. (Lỗ) lũy kế	421		(17.848.846.647)	(9.837.912.486)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(9.907.239.845)	(23.349.251.404)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(7.941.606.802)	13.511.338.918
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		810.071.650.187	643.434.263.983



Trần Lê Phong
Người lập biểu



Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01	24	3.339.912.673.917	3.818.795.959.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.158.409.945	27.515.383.967
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	24	3.335.754.263.972	3.791.280.575.143
4. Giá vốn hàng bán	11	25	3.190.151.669.694	3.629.049.356.718
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		145.602.594.278	162.231.218.425
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.667.978.166	9.677.454.476
7. Chi phí tài chính	22	28	59.557.743.548	31.466.648.926
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.472.711.519	19.996.210.145
8. Chi phí bán hàng	25		73.872.692.869	90.043.729.276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		34.149.484.398	35.999.926.276
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(7.309.348.371)	14.398.368.423
11. Thu nhập khác	31		291.195.799	213.252.148
12. Chi phí khác	32		414.867.851	508.521.486
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(123.672.052)	(295.269.338)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(7.433.020.423)	14.103.099.085
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	501.717.574	629.538.596
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	6.868.805	(37.778.429)
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(7.941.606.802)	13.511.338.918
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(559)	951


Trần Lê Phong
Người lập biểu


Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng


Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

2014

(Trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(7.433.020.423)	14.103.099.085
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.022.652.304	9.337.070.765
Các khoản dự phòng	03	1.072.192.183	719.718.011
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	69.368.582	1.538.660.110
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.010.431.410)	(2.582.149.915)
Chi phí lãi vay	06	22.472.711.519	19.996.210.145
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.193.472.755	43.112.608.201
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(37.904.696.720)	5.114.089.864
(Tăng) hàng tồn kho	10	(60.149.487.597)	(105.465.451.373)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(34.483.355.770)	25.003.923.546
Giảm chi phí trả trước	12	1.038.089.532	338.709.682
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.228.765.138)	(20.158.162.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(542.083.381)	(1.335.419.323)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(73.400.000)	(255.858.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(131.150.226.319)	(53.645.559.469)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.717.847.638)	(3.746.407.036)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	28.322.360	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.792.164.441	3.550.762.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.897.360.837)	(195.644.274)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.490.632.967.180	2.613.288.237.973
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.282.412.204.341)	(2.661.566.029.597)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(800.235)	(9.623.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208.219.962.604	(48.287.414.824)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	75.172.375.448	(102.128.618.567)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.937.429.214	168.074.018.889
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(181.416.893)	(7.971.108)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	140.928.387.769	65.937.429.214

Trần Lê Phong

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Lê Thúy Đào

Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 90 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 85).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 02 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh...
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu, ...

Công ty có 01 chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ trọng yếu và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính và công cụ tài chính phái sinh

Công cụ tài chính phái sinh nắm giữ cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Các công cụ tài chính phái sinh là hợp đồng mua bán tương lai gắn liền với hợp đồng mua bán hàng hóa gốc phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro thì biến động giá trị của hợp đồng tương lai sẽ được ghi tăng hoặc giảm giá vốn trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong trường hợp có sự chênh lệch giữa giá trị của công cụ tài chính và giá trị biến động của hợp đồng mua bán hàng hóa đã ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với hoạt động thương mại, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Đối với hoạt động sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

u, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi
ng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình
quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các hàng hóa đã chuyển giao quyền sở hữu cho khách hàng nhưng chưa chốt giá mua/giá bán, doanh thu được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm giao hàng và tại ngày kết thúc năm tài chính được doanh thu được ghi nhận bằng với chi phí phát sinh liên quan đến hàng hóa đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 17,8 tỷ đồng, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	152.552.059	592.851.033
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	140.775.835.710	40.973.476.716
Các khoản tương đương tiền	-	24.371.101.465
	<u>140.928.387.769</u>	<u>65.937.429.214</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Âu Lạc	410.000.000	280.000.000	410.000.000	280.000.000
	<u>410.000.000</u>	<u>280.000.000</u>	<u>410.000.000</u>	<u>280.000.000</u>
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.905.000.000	-	6.905.000.000	-
b2) Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai				
	3.619.922.558	-	3.619.922.558	-
	<u>10.524.922.558</u>	<u>-</u>	<u>10.524.922.558</u>	<u>-</u>

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước	69.331.824.846	49.319.535.962
Công ty TNHH MTV Huyện Trang	13.806.000.000	-
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	9.603.272.918	6.628.979.762
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	6.723.006.362	2.842.471.668
Công ty Cổ phần Tâm Đức	5.626.166.117	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Á Châu	4.347.456.023	-
Các khách hàng trong nước khác	29.225.923.426	39.848.084.532
Khách hàng nước ngoài	92.650.606.220	48.603.414.265
Công ty Sa Rawther Spices	20.663.200.000	-
Công ty Conagra Foods - Food Ingredients Dba Spicetec	15.411.776.865	-
Công ty Ramon Sabater S.A.U	7.524.100.000	-
Công ty Frutex Autralia	6.881.744.000	-
Công ty Private Enterprise "Sps"	4.222.798.932	-
Công ty Qingdao International Rubber Exchange Market	-	6.392.671.806
Công ty Schiff Food Products	-	5.759.215.000
Công ty Chesapeake Spice	-	5.689.762.500
Các khách hàng nước ngoài khác	37.946.986.423	30.761.764.959
	<u>161.982.431.066</u>	<u>97.922.950.227</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	<u>5.385.308.799</u>	<u>6.194.828.250</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	8.802.700.992	11.004.098.668
Công ty Cổ phần Tâm Đức	2.040.827.718	3.251.913.481
Công ty Brand Building Consulting LLC	1.642.600.000	-
Công ty TNHH MTV Huyện Trang	-	4.533.174.532
Doanh nghiệp tư nhân Tiến Phát	-	2.345.360.000
Các đối tượng khác	3.799.625.421	4.358.313.954
	<u>16.285.754.131</u>	<u>25.492.860.635</u>
Trả trước ngắn hạn cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	<u>52.132.304</u>	<u>887.768.158</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	8.800.000.000	-
Tạm ứng	6.136.456.512	6.723.737.380
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.326.031.073	4.362.429.637
Thuế Xuất nhập khẩu được hoàn	1.782.855.698	-
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902
Lãi dự thu	230.684.761	41.737.500
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	137.661.104	151.110.317
Phải thu về giao dịch hợp đồng tương lai	1.124.550	2.939.099.145
Phải thu khác	267.606.845	396.402.491
	<u>22.013.656.445</u>	<u>14.945.752.372</u>
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	125.919.600	102.000.000
	<u>125.919.600</u>	<u>102.000.000</u>

10. NỢ XẤU

	<u>31/12/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi						
Công ty Cổ phần Thép Mới	2.360.286.431	790.155.159	Trên 3 năm	2.101.086.431	530.955.159	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Diễm Thành	696.400.000	-	Trên 3 năm	696.400.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	626.409.063	359.437.020	Từ trên 6 tháng đến dưới 3 năm	601.545.295	344.579.757	Từ trên 6 tháng đến dưới 2 năm
Chi nhánh Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đất Việt	157.547.984	-	Trên 3 năm	157.547.984	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Thành An An	152.986.060	-	Trên 3 năm	152.986.060	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	2.122.357.346	929.452.963	Từ trên 6 tháng đến trên 3 năm	2.212.573.521	1.320.764.401	Từ trên 6 tháng đến trên 3 năm
	<u>6.115.986.884</u>	<u>2.079.045.142</u>		<u>5.922.139.291</u>	<u>2.196.299.317</u>	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.103.488.227	-	11.488.603.129	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.011.592.690	(196.149.637)	14.792.562.736	-
Công cụ, dụng cụ	202.383.818	-	203.065.008	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.275.281.470	(35.008.379)	1.673.342.198	-
Thành phẩm	54.609.817.714	(885.932.399)	19.859.240.240	-
Hàng hoá	217.962.369.629	-	209.786.607.640	(356.000.000)
Hàng hóa bất động sản	1.310.455.220	-	1.310.455.220	-
Hàng gửi bán	-	-	3.212.025.000	-
Cộng	322.475.388.768	(1.117.090.415)	262.325.901.171	(356.000.000)

Trong năm, Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - công ty con của Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.117.090.415 đồng cho hàng tồn kho chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong năm, Công ty mẹ đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 356.000.000 đồng do Công ty đã bán lô hàng cao su được trích lập dự phòng cuối năm trước.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	768.697.446	1.137.008.818
	768.697.446	1.137.008.818
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	2.393.096.342	2.977.330.861
Chi phí lắp đặt nội thất văn phòng và chi phí khác	405.484.542	667.081.422
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	403.867.573	80.414.334
	3.202.448.457	3.724.826.617

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	37.258.932.186	93.512.237.482	8.809.022.243	1.642.226.389	141.222.418.300
Tăng trong năm	2.618.700.000	1.644.898.939	490.000.000	52.760.000	4.806.358.939
Thanh lý, nhượng bán	-	(130.230.000)	-	-	(130.230.000)
Tại ngày 31/12/2015	39.877.632.186	95.026.906.421	9.299.022.243	1.694.986.389	145.898.547.239
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	13.271.264.431	22.596.342.356	5.436.643.594	951.309.032	42.255.559.413
Trích khấu hao trong năm	2.389.979.233	6.253.201.851	817.165.901	191.322.288	9.651.669.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(66.107.348)	-	-	(66.107.348)
Tại ngày 31/12/2015	15.661.243.664	28.783.436.859	6.253.809.495	1.142.631.320	51.841.121.338
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	24.216.388.522	66.243.469.562	3.045.212.748	552.355.069	94.057.425.901
Tại ngày 31/12/2014	23.987.667.755	70.915.895.126	3.372.378.649	690.917.357	98.966.858.887

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.705.356.194 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.324.719.457 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty mẹ đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.735.602.906 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.598.017.826 đồng).

Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 66.036.203.195 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 73.494.815.764 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội - Công ty con của Công ty đã thế chấp 01 xe ô tô Nissan để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 226.205.438 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 363.221.542 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	10.784.362.729	917.278.500	11.701.641.229
Tăng trong năm	-	65.000.000	65.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(127.800.000)	(127.800.000)
Tại ngày 31/12/2015	10.784.362.729	854.478.500	11.638.841.229
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	546.101.055	567.695.798	1.113.796.853
Trích khấu hao trong năm	283.927.495	87.055.536	370.983.031
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.520.000)	(45.520.000)
Tại ngày 31/12/2015	830.028.550	609.231.334	1.439.259.884
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	9.954.334.179	245.247.166	10.199.581.345
Tại ngày 31/12/2014	10.238.261.674	349.582.702	10.587.844.376

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 419.017.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 419.017.500 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty mẹ để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.205.192.140 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.205.192.140 đồng).

Giá trị quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex tại lô đất số 231 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn của Công ty mẹ và Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.357.910.635 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.466.888.672 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	10.683.450.468	10.683.450.468	-	-
Công ty Emistee Fze	5.398.942.823	5.398.942.823	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	3.970.611.330	3.970.611.330	3.379.862.240	3.379.862.240
Công ty Acerinox Europa	3.223.823.558	3.223.823.558	2.470.594.248	2.470.594.248
Công ty Intexport Steel	3.183.457.950	3.183.457.950	-	-
Công ty D&S GLOBAL LIMITED	2.467.322.617	2.467.322.617	-	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28	795.620.000	795.620.000	2.178.230.200	2.178.230.200
Công ty Bahru Stainless SDN BHD	-	-	56.889.683.267	56.889.683.267
Công ty Acerinox SC Malaysia SDN BHD	-	-	5.096.172.284	5.096.172.284
Công ty TNHH Nuplex Resins Việt Nam	-	-	2.426.622.000	2.426.622.000
Các nhà cung cấp khác	13.915.542.199	13.915.542.199	14.899.300.527	14.899.300.527
	43.638.770.945	43.638.770.945	87.340.464.766	87.340.464.766
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	851.905.384	851.905.384	1.720.387.014	1.720.387.014
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Unistel - Công ty con của CDS Monarch	3.305.827.844	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Phúc Nhật Tiến	1.563.277.088	459.433.105
Công ty Cổ phần Cơ khí Thương mại Xuất nhập khẩu Hùng Phát	1.174.254.842	-
Công ty TNHH Thép không gỉ Vĩnh Phát	1.132.364.494	842.000.000
Công ty Jofont Biotechnology	-	3.184.163.340
Công ty Sarl Blanco Impex	-	1.083.615.069
Các đối tượng khác	7.376.162.008	5.923.354.157
	14.551.886.276	11.492.565.671
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan ngắn hạn (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	615.517.757	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014 VND	Phát sinh trong năm		31/12/2015 VND
		Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	813.968.218	18.182.481.074	18.092.944.857	724.432.001
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	813.968.218	18.182.481.074	18.092.944.857	724.432.001
Thuế tiêu thụ đặc biệt	79.973.882	263	-	79.973.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.394.008.247	571.044.933	542.083.381	4.365.046.695
Các loại thuế khác	94.367.885	335.637.314	335.075.291	93.805.862
Thuế thu nhập cá nhân	94.367.885	335.637.314	335.075.291	93.805.862
Cộng	5.382.318.232	19.089.163.584	18.970.103.529	5.263.258.177
b, Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	286.472.588	4.750.830.782	4.937.365.409	99.937.961
- Thuế GTGT đầu ra	286.472.588	1.126.002.607	1.312.537.234	99.937.961
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.624.828.175	3.624.828.175	-
Thuế nhập khẩu	29.419.842	7.874.374.221	7.403.871.572	499.922.491
Các loại thuế khác	122.904.754	3.497.306.144	3.548.936.116	71.274.782
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	122.904.754	271.327.214	322.957.186	71.274.782
Thuế khác	-	3.222.978.930	3.222.978.930	-
Cộng	438.797.184	16.122.511.147	15.890.173.097	671.135.234

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí phải trả về mua nguyên vật liệu chưa có hóa đơn	7.348.772.622	-
Chi phí phải trả khác	1.438.274.290	767.100.029
	8.787.046.912	767.100.029

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả các hợp đồng chưa chốt giá	1.179.245.458	5.831.890.970
Tạm giữ tiền của nhân viên kinh doanh	1.472.100.000	-
Khách hàng đặt cọc mua nhà	1.000.000.000	1.000.000.000
Chiết khấu thương mại	854.134.426	477.059.213
Giao dịch hedging	668.168.038	-
Cổ tức phải trả	523.688.015	524.488.250
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	407.338.137	180.154.409
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	-
Phải trả khác	390.680.683	280.716.045
	<u>6.695.354.757</u>	<u>8.294.308.887</u>
b. Các khoản phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	400.028.275	-
	<u>400.028.275</u>	<u>-</u>
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	<u>-</u>	<u>-</u>

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (i)	125.552.930.494	125.552.930.494	842.640.495.635	639.741.685.709	328.451.740.420	328.451.740.420
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	114.145.858.766	114.145.858.766	1.170.566.852.981	1.164.541.884.087	120.170.827.660	120.170.827.660
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)	46.610.705.360	46.610.705.360	776.658.819.960	784.081.752.101	39.187.773.219	39.187.773.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iv)	-	-	537.034.729.645	511.895.179.378	25.139.550.267	25.139.550.267
Tại Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (v)	21.618.823.018	21.618.823.018	45.394.277.553	53.896.443.818	13.116.656.753	13.116.656.753
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (vi)	9.907.042.696	9.907.042.696	12.318.914.012	19.957.841.670	2.268.115.038	2.268.115.038
Tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (vii)	16.737.861.733	16.737.861.733	75.199.269.776	77.952.131.509	13.985.000.000	13.985.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (viii)	5.807.130.000	5.807.130.000	30.819.607.618	30.345.286.069	6.281.451.549	6.281.451.549
Cộng	<u>340.380.352.067</u>	<u>340.380.352.067</u>	<u>3.490.632.967.180</u>	<u>3.282.412.204.341</u>	<u>548.601.114.906</u>	<u>548.601.114.906</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 441.0151/2015/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 22 tháng 10 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22 tháng 10 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0108/KH/13NH ngày 04 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 325 tỷ đồng, có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn trên bao gồm:
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà văn phòng và nhà kho Xi nghiệp Nông sản Tân Uyên tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
 - Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 12.400 m², tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị sản xuất sơn của Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex, công ty con của Công ty tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 27, khu Công nghiệp Vietship II, xã Hòa Phú, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 183/03/2015-HĐTDHM/NHCT900-PITCO ngày 13 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế có nguồn gốc từ khoản vay với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn số dư tín dụng cấp cho Công ty.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 158/2015/6889016/HĐTD ngày 03 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV-0210/KH/14NH ngày 24 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được bảo lãnh bằng:
- Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 12.400 m², tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị sản xuất sơn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 27, khu Công nghiệp Vietship II, xã Hòa Phú, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
 - Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 931/2015/PITCO-CV ngày 09 tháng 11 năm 2015 trị giá 25 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 441.0158/2015/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 11 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 5 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09 tháng 11 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh vay vốn số 930/2015/PITCO-CV ngày 09 tháng 11 năm 2015 trị giá 5 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với thời hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo các khế ước nhận nợ. Khoản vay có tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô có nguyên giá là 959.112.727 đồng, giá trị còn lại là 226.205.438 đồng và chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex trị giá 60 tỷ đồng.
- (viii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội với thời hạn 3 tháng từ ngày giải ngân, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu tiền về hoặc bảo có tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, tối thiểu bằng 120% doanh số thu nợ tại mọi thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	8.346.611.778	(21.072.567.954)	182.656.763.710
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	13.511.338.918	13.511.338.918
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	23.678.900.000	(23.678.900.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.276.683.450)	(2.276.683.450)
Tại ngày 31/12/2014	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	180.315.826	8.346.611.778	(9.837.912.486)	193.891.419.178
Trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	-	-	-	8.346.611.778	(8.346.611.778)	-	-
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.526.927.604	-	(9.837.912.486)	193.891.419.178
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	(7.941.606.802)	(7.941.606.802)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(69.327.359)	(69.327.359)
Tại ngày 31/12/2015	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.526.927.604	-	(17.848.846.647)	185.880.485.017

Cổ phiếu:

	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	15.199.345
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>15.199.345</i>	<i>15.199.345</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>989.120</i>	<i>989.120</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>14.210.225</i>	<i>14.210.225</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

Chi tiết vốn điều lệ đã góp của các cổ đông như sau:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2015	Vốn góp tại ngày 31/12/2014
		VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67%	80.056.110.000	80.056.110.000
Các cổ đông khác	47,33%	71.937.340.000	71.937.340.000
	100%	151.993.450.000	151.993.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	-	3.305.581.500
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.851.384.265	4.851.384.265
Ngoại tệ các loại			
<i>Đô la Mỹ</i>	USD	5.671.577	1.313.781
<i>Euro</i>	EUR	662	5.620

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANHBộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty tổ chức bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở các công ty hoạt động tương đối riêng biệt theo ngành nghề kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 02 bộ phận kinh doanh sau:

- Kinh doanh thương mại: bao gồm Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội.
- Sản xuất và kinh doanh sơn: Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex.

Thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và	Loại trừ	Cộng
	thương mại	kinh doanh sơn	số dư nội bộ	
	31/12/2015	31/12/2015	31/12/2015	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.801.427.248	8.126.960.521	-	140.928.387.769
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	-	-	130.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	204.207.957.810	23.713.584.479	(31.351.425.013)	196.570.117.276
Hàng tồn kho	314.436.750.135	6.921.548.218	-	321.358.298.353
Tài sản ngắn hạn khác	29.566.075.285	3.111.780.019	-	32.677.855.304
Các khoản phải thu dài hạn	33.536.177.101	-	(33.410.257.501)	125.919.600
Tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn	104.031.133.928	646.205.438	(154.548.120)	104.522.791.246
Đầu tư tài chính dài hạn	55.960.648.709	605.000.000	(46.040.726.151)	10.524.922.558
Tài sản dài hạn khác	3.012.267.249	190.181.208	30.909.624	3.233.358.081
Tổng Tài sản hợp nhất	877.682.437.465	43.315.259.883	(110.926.047.161)	810.071.650.187
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	627.333.044.685	27.809.517.223	(31.351.425.013)	623.791.136.895
Nợ dài hạn	33.810.285.776	-	(33.410.257.501)	400.028.275
Vốn chủ sở hữu	216.539.107.004	15.505.742.660	(46.164.364.647)	185.880.485.017
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	877.682.437.465	43.315.259.883	(110.926.047.161)	810.071.650.187

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và	Loại trừ	Cộng
	thương mại	kinh doanh sơn	số dư nội bộ	31/12/2014
	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.953.032.245	984.396.969	-	65.937.429.214
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	-	-	130.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	137.182.190.129	16.374.321.216	(18.920.788.085)	134.635.723.260
Hàng tồn kho	231.528.011.739	30.441.889.432	-	261.969.901.171
Tài sản ngắn hạn khác	55.704.518.111	1.112.461.360	-	56.816.979.471
Các khoản phải thu dài hạn	33.410.257.501	102.000.000	(33.410.257.501)	102.000.000
Tài sản cố định	27.051.070.082	82.675.353.314	(171.720.133)	109.554.703.263
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65.954.918.078	-	(55.429.995.520)	10.524.922.558
Tài sản dài hạn khác	760.905.361	2.963.921.256	37.778.429	3.762.605.046
Tổng Tài sản hợp nhất	616.674.903.246	134.654.343.547	(107.894.982.810)	643.434.263.983
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	407.649.542.364	60.814.090.526	(18.920.788.085)	449.542.844.805
Nợ dài hạn	-	33.410.257.501	(33.410.257.501)	-
Vốn chủ sở hữu	209.025.360.882	40.429.995.520	(55.563.937.224)	193.891.419.178
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	616.674.903.246	134.654.343.547	(107.894.982.810)	643.434.263.983

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và kinh	Loại trừ giao	Cộng
	thương mại	doanh sơn	dịch nội bộ	2015
	2015	2015	2015	2015
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.363.706.801.982	204.396.738.018	(228.190.866.083)	3.339.912.673.917
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.161.986.309	-	(3.576.364)	4.158.409.945
Doanh thu thuần bán hàng	3.359.544.815.673	204.396.738.018	(228.187.289.719)	3.335.754.263.972
Chi phí kinh doanh	3.323.119.843.155	203.258.465.538	(228.204.461.732)	3.298.173.846.961
- Giá vốn hàng bán	3.221.218.518.502	197.120.440.911	(228.187.289.719)	3.190.151.669.694
- Chi phí bán hàng	71.379.692.352	2.493.000.517	-	73.872.692.869
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.521.632.301	3.645.024.110	(17.172.013)	34.149.484.398
Kết quả kinh doanh bộ phận	36.424.972.518	1.138.272.480	17.172.013	37.580.417.011
Doanh thu hoạt động tài chính				14.667.978.166
Chi phí hoạt động tài chính				59.557.743.548
(Lỗ) khác				(123.672.052)
(Lỗ) trước thuế				(7.433.020.423)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				501.717.574
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				6.868.805
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(7.941.606.802)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014**

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và kinh	Loại trừ giao	Cộng
	thương mại	doanh sơn	dịch nội bộ	
	2014	2014	2014	2014
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.750.431.968.143	80.494.008.436	(12.130.017.469)	3.818.795.959.110
Các khoản giảm trừ doanh thu	24.713.567.882	2.801.816.085	-	27.515.383.967
Doanh thu thuần bán hàng	3.725.718.400.261	77.692.192.351	(12.130.017.469)	3.791.280.575.143
Chi phí kinh doanh	3.681.781.988.872	85.441.040.867	(12.130.017.469)	3.755.093.012.270
- Giá vốn hàng bán	3.585.916.082.390	55.263.291.797	(12.130.017.469)	3.629.049.356.718
- Chi phí bán hàng	76.947.363.357	13.096.365.919	-	90.043.729.276
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.918.543.125	17.081.383.151	-	35.999.926.276
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.936.411.389	(7.748.848.516)	-	36.187.562.873
Doanh thu hoạt động tài chính				9.677.454.476
Chi phí hoạt động tài chính (Lỗ) khác				31.466.648.926 (295.269.338)
Lợi nhuận trước thuế				14.103.099.085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				629.538.596 (37.778.429)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				13.511.338.918

24. DOANH THU BÁN HÀNG

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	2.407.823.092.828	2.977.194.842.843
Doanh thu bán hàng nội địa	932.089.581.089	841.601.116.267
	3.339.912.673.917	3.818.795.959.110
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.158.409.945	27.515.383.967
Doanh thu thuần về bán hàng	3.335.754.263.972	3.791.280.575.143
Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	29.057.511.889	24.706.318.237

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng xuất khẩu	2.245.758.366.976	2.850.483.837.814
Giá vốn bán hàng nội địa	944.393.302.718	778.565.518.904
	3.190.151.669.694	3.629.049.356.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.399.833.161	44.155.524.561
Chi phí nhân công	32.421.883.932	32.511.558.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.022.652.304	9.337.070.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.848.715.636	88.100.543.133
Chi phí khác bằng tiền	10.302.826.787	13.368.616.106
	180.995.911.820	187.473.313.548

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.278.692.505	2.159.265.617
Cổ tức, lợi nhuận được chia	586.113.592	422.884.298
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.573.442.906	7.046.769.639
Lãi trả chậm	116.305.605	46.801.566
Lãi ứng trước tiền hàng	113.422.254	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.304	1.733.356
	14.667.978.166	9.677.454.476

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.472.711.519	19.996.210.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá	36.734.079.380	11.156.938.764
Chiết khấu thanh toán	345.548.849	-
Chi phí tài chính khác	5.403.800	313.500.017
	59.557.743.548	31.466.648.926

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	629.538.596
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	501.717.574	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	501.717.574	629.538.596
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	6.868.805	(37.778.429)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.868.805	(37.778.429)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Đơn vị tính	2015	2014 (Trình bày lại)
(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	(7.941.606.802)	13.511.338.918
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(7.941.606.802)	13.511.338.918
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phần	(559)	951
(i) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền			

Tại ngày 29 tháng 9 năm 2014, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2014 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo tài chính năm 2014	12.697.683	1.064
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành vào ngày 29 tháng 9 năm 2014	1.512.542	(113)
Số đã điều chỉnh lại	14.210.225	951

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 01 tháng 8 năm 2014, Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty đã ký Hợp đồng số 2014/PJICO với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex để thuê văn phòng tại tầng 4, tòa nhà PJICO TOWER, số 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn 3 năm, số tiền thuê hàng tháng là 12 USD/m².

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	548.601.114.906	340.380.352.067
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	140.928.387.769	65.937.429.214
Nợ thuần	407.672.727.137	274.442.922.853
Vốn chủ sở hữu	185.880.485.017	193.891.419.178
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,19	1,42

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.928.387.769	65.937.429.214
Đầu tư tài chính	10.654.922.558	10.654.922.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	172.028.092.055	102.370.014.928
Tổng cộng	323.611.402.382	178.962.366.700
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	47.879.374.069	89.622.728.274
Chi phí phải trả	8.787.046.912	767.100.029
Các khoản vay	548.601.114.906	340.380.352.067
Tổng cộng	605.267.535.887	430.770.180.370

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.249.986.203	353.138.509.371	224.002.424.935	73.674.233.682

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng 10% thì (lỗ)/lãi trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị tăng/(giảm) như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	21.975.243.873	(27.946.427.569)

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và có biện pháp phù hợp để phòng ngừa các rủi ro nêu trên.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào các công ty được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội, Công ty con của Công ty thực hiện mua một số hợp đồng tương lai để phòng ngừa rủi ro đối với các lô hàng đã giao hàng nhưng chưa chốt giá như sau:

	<u>Giá trị mua</u>	<u>Giá trị bán</u>
	USD	USD
Hợp đồng dự phòng rủi ro đã xác định ngày chốt quyền mua, bán	669.510	707.875
Hợp đồng dự phòng rủi ro chưa xác định ngày chốt quyền bán	978.225	780.625

Biến động giá trị hàng hóa của các hợp đồng tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thông qua tài khoản ký quỹ như sau:

	<u>31/12/2015</u>
	USD
Số tiền ký quỹ tại ngân hàng	130.169
Lãi chưa thực hiện dự kiến của các hợp đồng tương lai	61.170

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản lỗ chưa thực hiện dự kiến của các hợp đồng tương lai chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm do các hợp đồng này sẽ được thực hiện trong năm 2016.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 25.8 tỷ đồng. Trong đó, giá trị dự phòng phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập là khoảng 4 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và cho rằng các khoản phải thu quá hạn còn lại nêu trên có thể thu hồi được trong tương lai gần và khách hàng đã có tài sản dùng để đảm bảo thanh toán cho các khoản phải thu với giá trị cao hơn số Công ty phải thu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.928.387.769	-	140.928.387.769
Đầu tư tài chính	130.000.000	10.524.922.558	10.654.922.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.902.172.455	125.919.600	172.028.092.055
Tổng cộng	312.960.560.224	10.650.842.158	323.611.402.382
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	47.879.374.069	-	47.879.374.069
Chi phí phải trả	8.787.046.912	-	8.787.046.912
Các khoản vay	548.601.114.906	-	548.601.114.906
Tổng cộng	605.267.535.887	-	605.267.535.887
Chênh lệch thanh khoản thuần	(292.306.975.663)	10.650.842.158	(281.656.133.505)
31/12/2014 (Trình bày lại)	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.937.429.214	-	65.937.429.214
Đầu tư tài chính	130.000.000	10.524.922.558	10.654.922.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.268.014.928	102.000.000	102.370.014.928
Tổng cộng	168.335.444.142	10.626.922.558	178.962.366.700
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	89.622.728.274	-	89.622.728.274
Chi phí phải trả	767.100.029	-	767.100.029
Các khoản vay	340.380.352.067	-	340.380.352.067
Tổng cộng	430.770.180.370	-	430.770.180.370
Chênh lệch thanh khoản thuần	(262.434.736.228)	10.626.922.558	(251.807.813.670)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính, nhưng khả năng thanh toán của Công ty vẫn được đảm bảo do tài sản ngắn hạn lớn hơn công nợ ngắn hạn khoảng 67,9 tỷ đồng và hệ số thanh toán hiện hành của Công ty là 1,1. Ban Giám đốc cũng đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận cho hoạt động của Công ty; đồng thời, các bên cho vay vốn ngắn hạn của Công ty là các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục hỗ trợ Công ty về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hạn mức tín dụng còn lại của các Hợp đồng vay vốn ngân hàng là khoảng 650 tỷ đồng). Theo đó Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>2015</u>	<u>2014</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	4.745.499.847	3.980.358.800
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	3.094.027.975	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	2.093.934.449	737.481.220
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	1.818.914.612	2.626.127.292
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	Thành viên Petrolimex	1.621.836.320	1.049.136.600
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Thái	Thành viên Petrolimex	1.498.974.200	3.102.887.312
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	1.286.799.922	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	1.272.498.100	747.577.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Giang	Thành viên Petrolimex	1.265.699.900	1.110.327.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Bắc	Thành viên Petrolimex	1.222.700.700	388.289.800
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai	Thành viên Petrolimex	1.209.600.800	889.499.100
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	1.132.636.301	521.944.350
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Bình	Thành viên Petrolimex	1.115.751.600	1.718.901.800
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình - Công ty TNHH Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	1.080.655.487	2.443.851.845
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	Thành viên Petrolimex	1.033.732.000	1.054.942.020
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Điện Biên	Thành viên Petrolimex	1.017.281.400	546.128.600
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	Thành viên Petrolimex	980.772.900	1.304.155.200
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	Thành viên Petrolimex	862.982.600	1.438.072.100
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Phú Khánh	Thành viên Petrolimex	703.212.775	1.046.638.198
		29.057.511.889	24.706.318.237
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên Petrolimex	16.912.494.709	60.500.771.663
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên Petrolimex	11.269.099.771	32.904.677.570
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	8.405.305.990	33.200.679.960
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	3.197.571.490	1.542.119.240
Công ty TNHH Petrolimex Singapore	Thành viên Petrolimex	1.768.467.440	3.376.890.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Thành viên Petrolimex	383.711.000	444.044.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	-	887.607.492
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xí nghiệp Bán lẻ	Thành viên Petrolimex	-	445.900.962
		41.936.650.400	133.302.690.887
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.501.709.156	1.631.147.075

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	1.052.432.040	126.797.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Bình	Thành viên Petrolimex	741.244.970	588.818.616
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thanh Hóa	Thành viên Petrolimex	648.016.710	51.306.750
Công ty Cổ phần Xây lắp 01 - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	626.409.063	601.545.295
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Giang	Thành viên Petrolimex	404.402.895	295.027.055
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Bắc	Thành viên Petrolimex	361.113.643	624.358.723
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	331.403.412	615.634.210
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	273.178.647	43.265.663
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Trị	Thành viên Petrolimex	240.401.824	135.077.136
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Yên Bái	Thành viên Petrolimex	225.214.622	46.450.743
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Thành viên Petrolimex	210.613.537	93.748.082
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cao Bằng	Thành viên Petrolimex	118.617.720	476.589.185
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình - Công ty TNHH Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	89.744.076	249.451.172
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Sơn Bình	Thành viên Petrolimex	62.515.640	335.371.654
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	-	1.069.106.752
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	-	594.805.982
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông Bé	Thành viên Petrolimex	-	247.474.232
		5.385.308.799	6.194.828.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên Petrolimex	52.132.304	887.768.158
		52.132.304	887.768.158
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên Petrolimex	655.445.384	388.677.014
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Thành viên Petrolimex	196.460.000	199.100.000
Công ty TNHH Petrolimex Singapore	Thành viên Petrolimex	-	1.132.610.000
		851.905.384	1.720.387.014
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	401.717.596	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	213.800.161	-
		615.517.757	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

Tên chỉ tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
		VND		VND	
BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	410.000.000	121	410.000.000	Thay đổi tên
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(280.000.000)	122	(280.000.000)	Thay đổi tên và mã số
3. Phải thu khách hàng	131	97.922.950.227	131	97.922.950.227	Thay đổi tên
4. Trả trước cho người bán	132	25.492.860.635	132	25.492.860.635	Thay đổi tên
5. Các khoản phải thu khác	135	3.859.585.355	136	14.945.752.372	Trình bày lại, thay đổi tên và mã số
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	11.086.167.017	155	-	Trình bày lại và thay đổi mã số
7. Phải thu dài hạn khác	218	-	216	102.000.000	Trình bày lại và thay đổi mã số
8. Đầu tư dài hạn khác	258	10.524.922.558	253	10.524.922.558	Thay đổi tên và mã số
9. Tài sản dài hạn khác	268	102.000.000	268	-	Trình bày lại
II. Nợ phải trả					
1. Phải trả người bán	312	87.340.464.766	311	87.340.464.766	Thay đổi tên và mã số
2. Người mua trả tiền trước	313	11.492.565.671	312	11.492.565.671	Thay đổi tên và mã số
3. Chi phí phải trả	316	767.100.029	315	767.100.029	Thay đổi tên và mã số
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.294.308.887	319	8.294.308.887	Thay đổi tên
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	340.380.352.067	320	340.380.352.067	Thay đổi tên và mã số

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Tên chỉ tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
VND					
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
III. Vốn chủ sở hữu					
1. Vốn điều lệ	411	151.993.450.000	411	151.993.450.000	Thay đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			411a	151.993.450.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	180.315.826	418	8.526.927.604	Trình bày lại và thay đổi mã số
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	8.346.611.778			
4. (Lỗ) lũy kế	420	(9.837.912.486)	421	(9.837.912.486)	Trình bày lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			421a	(23.349.251.404)	
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			421b	13.511.338.918	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT					
VND					
Giảm các khoản phải thu	09	9.961.592.115	09	5.114.089.864	Trình bày lại
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.000.915.755	16	-	Trình bày lại
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.104.276.006)	17	(255.858.000)	Trình bày lại

(Handwritten signature)



Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng

Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016